**01. Nghiên cứu vấn đề**

* + **Giới thiệu chung:**
* **Xuất xứ App:**

App Billiard Management được phát triển với mục tiêu cung cấp một giải pháp toàn diện cho việc quản lý quán bi-a, giúp chủ quán tối ưu hóa quy trình vận hành, theo dõi doanh thu và nâng cao trải nghiệm khách hàng. Phần mềm này được xây dựng dựa trên nhu cầu thực tế của các quán bi-a, từ những cơ sở nhỏ lẻ đến các hệ thống kinh doanh chuyên nghiệp. Với giao diện thân thiện và tích hợp nhiều tính năng thông minh, App Billiard Management giúp việc quản lý trở nên đơn giản, chính xác và hiệu quả hơn.

* **Lý do cần thiết lập trình App này:**

Với thị trường hiện nay, bộ môn thể thao bi-a được biết tới là một trong những bộ môn được ưa thích từ người trẻ cho đến những người cao tuổi. Cũng từ nhu cầu của người đam mê bộ môn này, các quán bi-a ngày càng xuất hiện nhiều với những ưu đãi và dịch vụ hấp dẫn, việc quản lý theo phương pháp truyền thống không còn đáp ứng được nhu cầu của chủ quán. Các vấn đề như giám sát bàn chơi, kiểm soát doanh thu, quản lý dịch vụ đi kèm và nhân viên đòi hỏi một hệ thống chuyên nghiệp để giảm thiểu sai sót và nâng cao hiệu suất kinh doanh. App Billiard Management không chỉ là một công cụ hỗ trợ quản lý mà còn giúp chủ quán dễ dàng theo dõi hoạt động từ xa, cải thiện dịch vụ và mang lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng. Việc áp dụng phần mềm này sẽ giúp quán bi-a vận hành hiệu quả hơn, nâng cao lợi nhuận và tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

* + **Hệ thống website hiện tại**

Hiện nay, trên thị trường Việt Nam có một số công ty cung cấp dịch vụ quản lý cửa hàng cũng như quán Bi-a như POS365, TPOS, Suno, ...

* **Điểm mạnh:**
* Giao diện trực quan, dễ sử dụng.
* Chức năng quản lý bàn, quản lý các order.
* Có khả năng thanh toán trực tuyến, liên kết tới các ví.
* **Điểm yếu của đối thủ:**
* Thiếu những chức năng về quản lý kho, quản lý nhân viên.
* Một phần mềm chỉ có thể 1 người sử dụng.
* Giá thành cao so với những chức năng và sự phục vụ của phần mềm đối với quán.
* Giao diện chưa thật sự thân thiện với người dùng trên mọi thiết bị.
* Ít tương tác với khách hàng, không có cộng đồng trực tuyến.
* Với bàn trạng thái ordered sẽ không cho phép khách khác vào chơi, mặc dù thời gian chơi có thể kết thúc trước thời điểm ordered.
  + **Hệ thống dự kiến bao gồm các chức năng:**
    1. **Quản lý bàn Bi-a:**
    2. Mô tả:
* Hiển thị danh sách các bàn Bi-a hiện có và đang được sử dụng bao gồm cả: Tên bàn, giá bàn, trạng thái của bàn dó.
* Hiển thị số lượng của từng loại bàn, có thể thêm mới loạibàn cũng như chỉnh giá của từng loại bàn.
* Hiển thị dang sách trạng thái của bàn, số lượng trạng thái hiện đang được set.
* Chi tiết của từng bàn bao gồm: Order của từng bàn và thông tin của bàn đó.
* Nhân viên có thể xem thông tin của Order để có thể quản lý một cách dễ dàng cũng như rút ngắn được công việc và thông kê dễ dàng hơn.
* Có thanh tìm kiếm để có thể dễ dàng tìm kiếm bàn khi cần 1 cách nhanh nhất.
  + 1. Chức năng:
* Danh sách bàn
* Nút “Tạo mới bàn”
* Nút “Order” sẽ hiển thị ra Order của bàn đó, có thể trực tiếp chỉnh sửa và thêm mới mà không cần chuyển sang trang Order.
* Nút “Info” sẽ hiển thị tên bàn và loại bàn, có thể cập nhật hoặc xóa bàn đó đi.
* Thanh tìm kiếm “Search”.
* Nút “New Table Category” để có thể thêm mới loại bàn.
  + 1. **Quản lý Orders:**

1. Mô tả:

* Người dùng có thể xem được thông tin về từng Order của từng Booking một.
* Bảng Order sẽ cho người dùng được những thông tin sau: Số Bill, Tên người chơi, Số điện thoại, Bàn số, Giá tiền, Trạng thái, Ngày, Chức năng,...
* Có nút in hóa đơn để có thể tiện lợi trong việc thanh toán trong khách hàng.
* Có thể tìm kiếm từng Order theo tên và số điện thoại.
* Có thể thêm mới trực tiếp Order
* Khi ấn đúp vào 1 Order, Sẽ hiển thị thông tin của Order có thể chỉnh sửa trực tiếp được về Order đó bao gồm: Tên người chơi, Số điện thoại. Ngoài ra còn có các tính năng sau:
  + Có thể thêm trực tiếp Order thêm bàn mới trong trang này.
  + Có thể thêm Order Itme mới
* Có thể kết thúc Order này trong trang này.

1. Chức năng:

* CRUD (Create, Read, Update, Delete) cho các Order.
* Cập nhật được tên, số điện thoại của khách hàng.
* CRUD (Create, Read, Update, Delete) cho Booking của từng Order.
* CRUD (Create, Read, Update, Delete) cho Order Item của từng Order.
* Có button in hóa đơn của từng Order.
* Có chức năng kết thúc Order.
  + 1. **Quản lý products**

1. Mô tả:

* Nhân viên có thể nhìn thấy được danh sách: Cues for rent, Food, Drink, Boardgame.
* Có các chức năng thêm mới, xem, chỉnh sửa, xóa của từng products.
* Có thể thêm mới loại products mới. Có thể sửa, xóa products đã có.
* Có chức năng tìm kiếm products.
* Phần giao diện được chia đều của mỗi chức năng nên có thể tìm kiếm và sử dụng một cách dễ dàng.

1. Chức năng:

* Hiển thị danh sách của từng products tương ứng với từng loại.
* Có nút thêm mới để có thể thêm mới loại products.
* Có các nút tương ứng với CRUD để có thể sử dụng một cách dễ dàng.
  + 1. **Quản lý Staff**

1. Mô tả:

* Người dùng sẽ có thể quản lý được các thông tin của nhân viên: Avatar, Username, Role, FullName, Phones, Bỉthday, Address, Hiredate, Action
* Có thể thêm nhân viên mới một các dễ dàng
* Thay đổi quyền của từng nhân viên một
* Update thông tin cũng như xóa nhân viên đó một cách tiện lợi mà không ảnh hưởng tới các nhân viên khác

1. Chức năng:

* CRUD đầy đủ cho trang này.
* Các nút tương tích với từng chức năng một được kí hiệu dễ hiểu và dễ sử dụng.
  + 1. **Quản lý Customer**

1. Mô tả:

* Hiển thị danh sách khách hàng đã tạo tài khoản tại quán, bên cạnh đó có bảng show thông tin khách hàng bao gồm: Tên khách hàng, Số điện thoại, Địa chỉ, Ngày sinh, Tổng thời gian đã chơi.
* Có thanh tìm kiếm tên khách hàng bằng số điện thoại, Tên khách hàng.
* Thêm mới khách hàng cũng như sửa hoặc xóa đối với những khách hàng có nhu cầu.

1. Chức năng:

* Giao diện thân thiện, dễ nhìn và dễ dàng tìm kiếm từng khách hàng.
* Có đầy đủ chức năng CRUD cho trang này.
  + 1. **Quản lý Report:**

1. Mô tả:

* Hệ thống cung cấp các báo cáo thống kê và phân tích dữ liệu quan trọng cho hoạt động kinh doanh.
* Các báo cáo này giúp quản lý đưa ra quyết định dựa trên dữ liệu thực tế
* Các loại báo cáo có thể bao gồm
  + Báo cáo doanh thu theo ngày, tháng, năm
  + Báo cáo số lượng khách hàng theo thời gian
  + Báo cáo sản phẩm/ dịch vụ được ưa chuộng
  + Có thể phân quyền xem báo cáo cho từng nhân viên

1. Chức năng:

* Tạo và quản lý các mẫu báo cáo
* Hiển thị báo cáo theo nhiều định dạng (bảng, biểu đồ, đồ thị)
* Áp duỵng bộ lọc và phạm vi thời gian cho báo cáo
  + **Giới hạn của hệ thống:**

**Chưa có chức năng quản lý xuất nhập kho chi tiết và thống kê lịch sử nhập hàng:**

* + Hệ thống hiện chưa ghi nhận các thông tin chi tiết trong quá trình xuất và nhập kho, chẳng hạn như nhà cung cấp, mã hàng hóa, ngày giờ cụ thể, người phụ trách nhập/xuất hàng, số lượng nhập/xuất. Đồng thời, không có chức năng theo dõi, thống kê và xuất báo cáo lịch sử nhập hàng, khiến việc quản lý tồn kho trở nên khó khăn và không thể phân tích hiệu quả cung ứng, nhu cầu.

**Chưa tích hợp phương thức thanh toán đa dạng:**

* + Hệ thống chưa hỗ trợ bất kỳ hình thức thanh toán trực tuyến hay ngoại tuyến nào như chuyển khoản, thẻ ngân hàng, ví điện tử (Momo, ZaloPay), thanh toán bằng QR Code, điều này khiến khách hàng gặp khó khăn và bất tiện khi thanh toán.

**Không có hệ thống chấm công nhân viên:**

* + Hiện tại, hệ thống chưa có tính năng theo dõi giờ vào, giờ ra, làm thêm, nghỉ phép của nhân viên, không cung cấp báo cáo chấm công hàng ngày/tháng, gây bất tiện trong việc quản lý nhân sự và tính lương.

**Chỉ áp dụng tại một cơ sở duy nhất, không hỗ trợ chuỗi cửa hàng:**

* + Hệ thống không có khả năng quản lý tập trung dữ liệu từ nhiều chi nhánh, không thể đồng bộ thông tin giữa các cửa hàng, làm cản trở việc mở rộng và phát triển mô hình kinh doanh dạng chuỗi.

**Không có chức năng lưu session, không lưu mật khẩu đăng nhập:**

* + Hệ thống không duy trì session đăng nhập, yêu cầu người dùng phải đăng nhập lại mỗi lần truy cập, đồng thời không hỗ trợ lưu mật khẩu để thuận tiện cho lần truy cập tiếp theo.

**Mật khẩu được lưu trữ dưới dạng hash, không thể khôi phục:**

* + Hệ thống chỉ hỗ trợ đặt lại mật khẩu nếu người dùng quên, mật khẩu chỉ được lưu dạng hash, không thể khôi phục lại mật khẩu gốc, đảm bảo an toàn nhưng đôi khi gây bất tiện cho người dùng.

**Không có nhật ký thao tác của người dùng:**

* + Hệ thống không lưu trữ lịch sử các hành động, thao tác như thêm, sửa, xóa dữ liệu của người dùng, gây khó khăn trong việc theo dõi, giám sát và xử lý các vấn đề bảo mật hoặc sai sót trong quản lý.

**Chưa kiểm tra hiệu năng với lượng dữ liệu lớn:**

* + Hệ thống chưa được kiểm tra khả năng xử lý và tốc độ hoạt động khi vượt quá 1 triệu bản ghi, tiềm ẩn nguy cơ làm chậm hệ thống khi quy mô kinh doanh mở rộng.

**Chưa hỗ trợ đa ngôn ngữ:**

* + Hệ thống chỉ có một ngôn ngữ mặc định duy nhất, không thể chuyển đổi hoặc mở rộng ra các ngôn ngữ khác, làm giảm khả năng phục vụ khách hàng quốc tế.

**Chưa có tính năng bảo mật nâng cao (2FA, mã hóa dữ liệu):**

* + Hệ thống chưa tích hợp bảo mật nâng cao như xác thực hai yếu tố (2FA), mã hóa dữ liệu cá nhân, dữ liệu giao dịch, tăng nguy cơ mất an toàn thông tin.

**Chưa có hệ thống khuyến mãi và mã giảm giá:**

* + Không có khả năng xây dựng, quản lý và triển khai các chương trình ưu đãi, khuyến mãi, tích điểm khách hàng, hạn chế cơ hội tăng doanh số.

**Chưa có hệ thống lưu trữ và xử lý log lỗi:**

* + Không lưu và quản lý thông tin các lỗi hệ thống phát sinh, điều này khiến việc xử lý, bảo trì hệ thống khó khăn và kém hiệu quả.

**Không quản lý được toàn bộ hệ thống từ một màn hình duy nhất:**

* + Thiếu một giao diện quản trị tổng quan, thống nhất để điều hành và quản lý các chức năng khác nhau, khiến công tác quản trị kém hiệu quả.

**Không có chế độ đa nhiệm:**

* + Người dùng chỉ có thể thao tác từng chức năng một, không thể mở nhiều cửa sổ thao tác đồng thời, giảm hiệu suất làm việc.
* **Không có hệ thống định mức tồn kho và cảnh báo hàng sắp hết:**
  + Không hỗ trợ thiết lập định mức tồn kho tối thiểu, hệ thống không cảnh báo khi hàng hóa gần hết, gây nguy cơ thiếu hụt sản phẩm.

**Không có chức năng tách hoặc gộp hóa đơn:**

* + Hệ thống không hỗ trợ chia nhỏ hóa đơn theo từng khách hàng hoặc gộp các hóa đơn riêng lẻ, gây bất tiện khi thanh toán.

**Không thể chỉnh sửa giá sản phẩm trong đơn hàng:**

* + Hệ thống chỉ sử dụng giá niêm yết cố định, không cho phép chỉnh sửa giá ngay trên hóa đơn.

**Không có hệ thống phân loại khách hàng:**

* + Hệ thống chưa cho phép phân loại khách hàng (khách VIP, thành viên), gây khó khăn trong việc áp dụng ưu đãi, chăm sóc khách hàng.

**Không có cơ chế khóa tài khoản khi đăng nhập thất bại nhiều lần:**

* + Không có biện pháp khóa tài khoản tự động sau nhiều lần đăng nhập sai, làm giảm mức độ bảo mật hệ thống.

**Không có hệ thống xuất báo cáo ra các định dạng khác:**

* + Chưa thể xuất báo cáo ra các định dạng thông dụng như PDF hoặc Excel, gây bất tiện khi chia sẻ, phân tích dữ liệu.

**Chỉ hỗ trợ một người dùng đăng nhập:**

* + Hệ thống hiện chỉ cho phép một tài khoản đăng nhập tại một thời điểm, hạn chế hiệu quả làm việc.

**Không có tính năng backup dữ liệu tự động:**

* + Hệ thống không tự động sao lưu dữ liệu, tiềm ẩn nguy cơ mất dữ liệu khi có sự cố.

**Không hỗ trợ nền tảng web hoặc mobile:**

* + Hệ thống không hoạt động được trên web hoặc ứng dụng di động, hạn chế sự linh hoạt trong sử dụng.

**Không quản lý lương và hợp đồng lao động:**

* + Không hỗ trợ quản lý lương, hợp đồng, chế độ nhân viên, gây khó khăn trong quản lý nhân sự.

**Không có chức năng gửi thông báo nội bộ:**

* + Thiếu hệ thống nhắn tin, thông báo nội bộ giữa nhân viên, làm giảm hiệu quả tương tác và phối hợp công việc.

**Không set thời gian tự hủy booking được mà phải xử lý trong backend**

**Với pool có trạng thái ordered sẽ không cho phép tạo booking mới với pool đó, mặc dù thời gian chơi có thể kết thúc trước thời điểm ordered**

**Chỉ adminítrator mới sửa được user’s information, các user khác không có quyền tự update info user**

* + **Yêu cầu về phần cứng và phần mềm**

**Hardware**

Intel Core i3/i5 Processor or higher

8 GB RAM or above

Color SVGA

500 GB Hard Disk space

Mouse

Keyboard

**Software**

Operating Portal: Windows

Browsers: Edge, Chrome, Mozilla Firefox, Safari

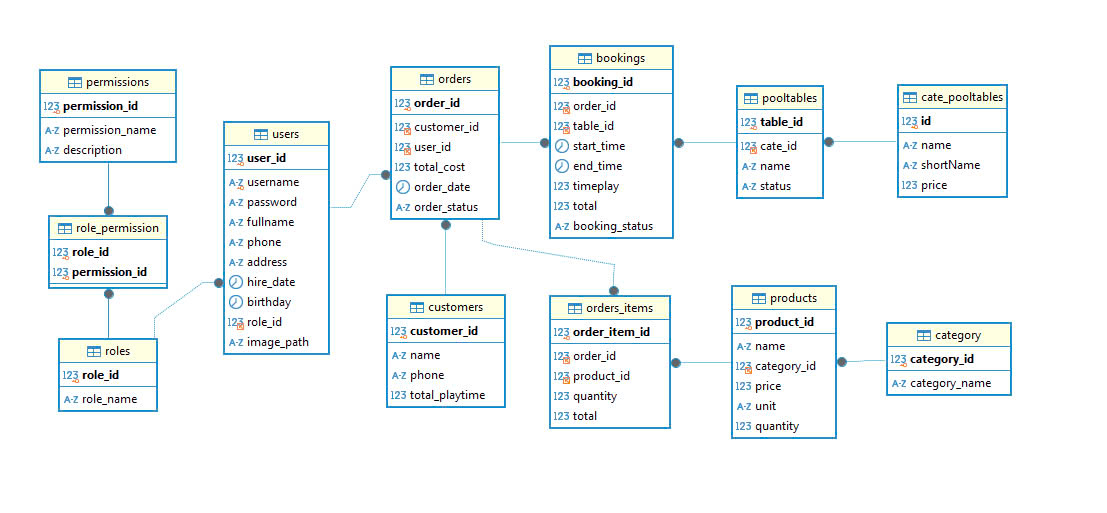
* **Phân tích yêu cầu**
  + **Người dùng của hệ thống:**

**Khách hàng:** Là những người quản lý quán Bi-a, kiểm tra vấn đề về thu nhập, các đơn hàng cũng như người chơi trong ngày. Thêm mới và cập nhật thông tin của những hoạt động ở trong quán Bi-a (Order, Products, Customer,... ). Xử lý các việc booking bàn, quản lý số lượng khách hàng và hàng hóa..

* + **Các chức năng của hệ thống**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chức năng** | **Thông tin đầu vào** | **Thông tin đầu ra** | **Cách thức xử lý** | **Dữ liệu cần lưu trữ** |
| **Pool Tables** |  Các thông tin về bàn bida gồm:   * Tên bàn. * Giá bàn tính theo giờ chơi. * Trạng thái bàn (đang sử dụng, sẵn sàng, tạm ngừng).    Số lượng các bàn bida hiện có trong hệ thống.   Chi tiết trạng thái cụ thể của từng bàn, thông tin trạng thái sử dụng và đặt chỗ trước. |  Danh sách tất cả các bàn bida đang hoạt động.   Thông tin chi tiết từng bàn cụ thể.   Kết quả trạng thái của mỗi bàn hiện tại. |  Hiển thị thông tin danh sách bàn trực tiếp từ database để người quản lý dễ dàng theo dõi.   Cho phép thêm mới bàn, chỉnh sửa thông tin bàn, xóa bàn khỏi hệ thống.   Tự động cập nhật trạng thái bàn theo thời gian thực dựa trên việc sử dụng bàn. | - - Bảng **tables**: lưu thông tin bàn.  - Trường dữ liệu: id, name, price, status, created\_at, updated\_at. |
| **Quản lý Orders** |  Thông tin các đơn hàng bao gồm:   * Mã hóa đơn (Bill No). * Tên người chơi / khách hàng. * Số điện thoại liên hệ. * Số bàn được sử dụng. * Giá tiền của hóa đơn. * Trạng thái đơn hàng (đã thanh toán, đang chơi, chưa thanh toán). * Ngày giờ đặt đơn.    Thao tác thêm, sửa và xóa đơn hàng. |  Danh sách chi tiết toàn bộ đơn hàng hiện tại.   Chi tiết thông tin từng hóa đơn, giá trị và trạng thái thanh toán.   Kết quả tìm kiếm hóa đơn theo mã hóa đơn hoặc tên khách hàng.   In thông tin hóa đơn chi tiết. |  Hiển thị danh sách hóa đơn đầy đủ từ database.   Chức năng thêm mới, chỉnh sửa và xóa hóa đơn.   Cho phép in hóa đơn trực tiếp từ hệ thống.   Tìm kiếm nhanh chóng các đơn hàng dựa trên tiêu chí tìm kiếm. | - Bảng **orders**: lưu thông tin Order.  - Trường dữ liệu: id, bill\_no, customer\_name, phone, table\_id, price, status, created\_at. |
| **Quản lý Products** | Thông tin sản phẩm được nhập gồm:   * Các loại sản phẩm như cues for rent (cơ bida cho thuê), food (thức ăn), drink (thức uống), boardgame. * Thông tin thêm mới, cập nhật giá, chỉnh sửa mô tả sản phẩm, hoặc xóa sản phẩm không còn bán nữa. * Thông tin chi tiết bao gồm giá cả, danh mục và số lượng tồn kho của mỗi sản phẩm. |  Danh sách toàn bộ sản phẩm hiện đang kinh doanh.   Thông tin chi tiết cụ thể của từng sản phẩm.   Kết quả tìm kiếm sản phẩm theo tên hoặc theo loại danh mục sản phẩm. |  Hiển thị trực quan các sản phẩm từ database, dễ dàng theo dõi và quản lý.   Thực hiện các thao tác thêm mới sản phẩm, chỉnh sửa thông tin sản phẩm, xóa sản phẩm một cách dễ dàng và trực quan.   Cung cấp tính năng tìm kiếm sản phẩm nhanh chóng theo tên hoặc danh mục sản phẩm. | - Bảng **products**: lưu thông tin sản phẩm.  - Trường dữ liệu: id, name, category, price, stock, created\_at, updated\_at. |
| **Quản lý Staff** |  Các thông tin chi tiết của nhân viên gồm:   * Avatar (ảnh đại diện nhân viên). * Username (tên đăng nhập). * Vai trò (Role) của nhân viên. * Tên đầy đủ (Full Name). * Số điện thoại liên lạc. * Địa chỉ cư trú của nhân viên. * Ngày sinh nhân viên. * Ngày bắt đầu làm việc (Hire Date).    Thông tin thêm mới nhân viên, chỉnh sửa thông tin nhân viên, xóa nhân viên khỏi hệ thống.   Thông tin liên quan đến quyền hạn, cập nhật quyền hạn truy cập hệ thống của nhân viên. |  Danh sách toàn bộ nhân viên hiện đang làm việc.   Thông tin chi tiết của mỗi nhân viên.   Hiển thị cụ thể quyền truy cập hệ thống của từng nhân viên. |  Hiển thị danh sách nhân viên từ database với đầy đủ thông tin.   Chức năng thêm mới, chỉnh sửa thông tin nhân viên, xóa nhân viên ra khỏi hệ thống.   Thực hiện chức năng cập nhật và quản lý quyền truy cập, vai trò của nhân viên một cách hiệu quả và an toàn. | - Bảng **staff**: lưu thông tin nhân viên.  - Trường dữ liệu: id, avatar, username, role, fullname, phone, birthday, address, hire\_date, created\_at. |
| **Quản lý Customer** |  Thông tin cá nhân chi tiết khách hàng gồm:   * Tên khách hàng. * Số điện thoại khách hàng. * Địa chỉ liên hệ. * Ngày sinh khách hàng. * Tổng thời gian chơi tích lũy.    Thông tin cho phép thao tác thêm mới khách hàng, chỉnh sửa, cập nhật thông tin, và xóa khách hàng khỏi hệ thống. |  Danh sách tất cả các khách hàng hiện có trong database.   Thông tin chi tiết cụ thể của từng khách hàng.   Kết quả tìm kiếm khách hàng theo các tiêu chí như tên hoặc số điện thoại. |  Hiển thị danh sách khách hàng từ database để người quản lý dễ dàng theo dõi.   Cho phép thực hiện thêm mới khách hàng, chỉnh sửa thông tin, và xóa khách hàng trực tiếp trên giao diện.   Thực hiện chức năng tìm kiếm linh hoạt theo các tiêu chí như tên khách hàng, số điện thoại khách hàng, tạo sự tiện lợi và nhanh chóng khi truy xuất thông tin. | - Bảng **customers**: lưu thông tin khách hàng.  - Trường dữ liệu: id, name, phone, address, birthdate, total\_play\_time, created\_at, updated\_at. |
| **Quản lý report** | Ngày tháng năm cần xem báo cáo  Khoảng thời gian cần thống kê  K | Tổng doanh thu theo: ngày/tháng/năm  Danh sách hoá đơn trong khoảng thời gain lọc – Biểu đồ doanh thu theo thời gian Tổng số bàn đã sử dụng – Doanh thu theo từng bàn bida – Biểu đồ thể hiện số lần bàn được sử dụng  Tổng số sản phẩm đã bán – Danh sách sản phẩm bán chạy nhất và chậm nhát – Biểu đồ thể hiện lượng tiêu thụ sản phẩm | Truy vấn MySQK để tính tổng doanh thu – sử dụng JfreeChart để vẽ biểu đồ doanh thu – Hiển thị dữ liệu chi tiết theo từng đơn hàng.  Lọc danh sách booking theo thời gian – Tổng hợp số lần mỗi bàn được sử dụng – Hiển thị biểu đồ tần suất sử dụng bàn.  Truy vấn số lượng sản phẩm bán ra từ orders-items  Vẽ biểu đồ sản phẩm bán chạy bằng JfreeChart – Hiển thị danh sách chi tiết sản phẩm | Bảng orders:  id.customer\_name.table\_id,total\_cost , order\_status,order\_date Bảng bookings:  id, table\_id,start\_time,end\_time,totBảng pooltables: id, name,status Bảng cate\_pooltables: id,name,price Bảng orders\_items order\_id,product\_id,quantity,price |

* System Designs
  + Entity Relationship Diagram



## **2. Database Design**

### ****2.1. Danh sách bảng****

#### ****2.1.1. Bảng users****

* **Mô tả**: Lưu trữ thông tin người dùng, bao gồm thông tin đăng nhập và xác minh.
* **Các trường**:
  + id: **BIGINT**, Khóa chính (Primary Key).
  + username: **VARCHAR**, tên đăng nhập, duy nhất (UNIQUE).
  + password: **VARCHAR**, mật khẩu của người dùng.
  + fullname: **VARCHAR**, họ và tên.
  + phone: **VARCHAR**, số điện thoại, duy nhất (UNIQUE).
  + email: **VARCHAR**, email của người dùng, duy nhất (UNIQUE).
  + address: **TEXT**, địa chỉ của người dùng.
  + role\_id: **BIGINT**, khóa ngoại tham chiếu đến bảng roles.
  + avatar: **VARCHAR**, đường dẫn ảnh đại diện, có thể null.
  + hire\_date: **DATE**, ngày bắt đầu làm việc.
  + birthday: **DATE**, ngày sinh.
  + timestamps: **DATETIME**, thời gian tạo và cập nhật.

#### ****2.1.2. Bảng roles****

* **Mô tả**: Xác định quyền hạn của người dùng.
* **Các trường**:
  + id: **BIGINT**, Khóa chính.
  + role\_name: **VARCHAR**, tên quyền (Admin, User, Manager).
  + timestamps: **DATETIME**, thời gian tạo và cập nhật.

#### ****2.1.3. Bảng permissions****

* **Mô tả**: Lưu trữ thông tin quyền truy cập hệ thống.
* **Các trường**:
  + id: **BIGINT**, Khóa chính.
  + permission\_name: **VARCHAR**, tên quyền hạn.
  + description: **TEXT**, mô tả quyền.
  + timestamps: **DATETIME**, thời gian tạo và cập nhật.

#### ****2.1.4. Bảng role\_permission****

* **Mô tả**: Liên kết giữa bảng roles và permissions.
* **Các trường**:
  + role\_id: **BIGINT**, khóa ngoại tham chiếu roles(id).
  + permission\_id: **BIGINT**, khóa ngoại tham chiếu permissions(id).
  + timestamps: **DATETIME**, thời gian tạo và cập nhật.

#### ****2.1.5. Bảng customers****

* **Mô tả**: Lưu thông tin khách hàng.
* **Các trường**:
  + id: **BIGINT**, Khóa chính.
  + name: **VARCHAR**, tên khách hàng.
  + phone: **VARCHAR**, số điện thoại.
  + total\_playtime: **INTEGER**, tổng thời gian chơi.
  + timestamps: **DATETIME**, thời gian tạo và cập nhật.

#### ****2.1.6. Bảng products****

* **Mô tả**: Lưu thông tin sản phẩm được bán trong hệ thống.
* **Các trường**:
  + id: **BIGINT**, Khóa chính.
  + name: **VARCHAR**, tên sản phẩm.
  + category\_id: **BIGINT**, khóa ngoại tham chiếu categories(id).
  + price: **DECIMAL(10,2)**, giá sản phẩm.
  + unit: **VARCHAR**, đơn vị đo lường.
  + quantity: **INTEGER**, số lượng sản phẩm.
  + timestamps: **DATETIME**, thời gian tạo và cập nhật.

#### ****2.1.7. Bảng categories****

* **Mô tả**: Danh mục sản phẩm.
* **Các trường**:
  + id: **BIGINT**, Khóa chính.
  + category\_name: **VARCHAR**, tên danh mục.
  + timestamps: **DATETIME**, thời gian tạo và cập nhật.

#### ****2.1.8. Bảng orders****

* **Mô tả**: Lưu thông tin đơn hàng.
* **Các trường**:
  + id: **BIGINT**, Khóa chính.
  + customer\_id: **BIGINT**, khóa ngoại tham chiếu customers(id).
  + user\_id: **BIGINT**, khóa ngoại tham chiếu users(id).
  + total\_cost: **DECIMAL(10,2)**, tổng tiền.
  + order\_date: **DATETIME**, ngày đặt hàng.
  + order\_status: **VARCHAR**, trạng thái đơn hàng.
  + timestamps: **DATETIME**, thời gian tạo và cập nhật.

#### ****2.1.9. Bảng order\_items****

* **Mô tả**: Liên kết giữa đơn hàng và sản phẩm.
* **Các trường**:
  + id: **BIGINT**, Khóa chính.
  + order\_id: **BIGINT**, khóa ngoại tham chiếu orders(id).
  + product\_id: **BIGINT**, khóa ngoại tham chiếu products(id).
  + quantity: **INTEGER**, số lượng sản phẩm trong đơn hàng.
  + total: **DECIMAL(10,2)**, tổng tiền của mục này.
  + timestamps: **DATETIME**, thời gian tạo và cập nhật.

#### ****2.1.10. Bảng bookings****

* **Mô tả**: Lưu thông tin đặt bàn bi-a (pool table bookings).
* **Các trường**:
  + id: **BIGINT**, Khóa chính.
  + order\_id: **BIGINT**, khóa ngoại tham chiếu orders(id).
  + table\_id: **BIGINT**, khóa ngoại tham chiếu pooltables(id).
  + start\_time: **DATETIME**, thời gian bắt đầu.
  + end\_time: **DATETIME**, thời gian kết thúc.
  + timeplay: **INTEGER**, tổng thời gian chơi.
  + total: **DECIMAL(10,2)**, tổng tiền thuê bàn.
  + booking\_status: **VARCHAR**, trạng thái đặt bàn.
  + timestamps: **DATETIME**, thời gian tạo và cập nhật.

#### ****2.1.11. Bảng pooltables****

* **Mô tả**: Lưu trữ thông tin bàn bi-a.
* **Các trường**:
  + id: **BIGINT**, Khóa chính.
  + cate\_id: **BIGINT**, khóa ngoại tham chiếu cate\_pooltables(id).
  + name: **VARCHAR**, tên bàn.
  + status: **VARCHAR**, trạng thái bàn.
  + timestamps: **DATETIME**, thời gian tạo và cập nhật.

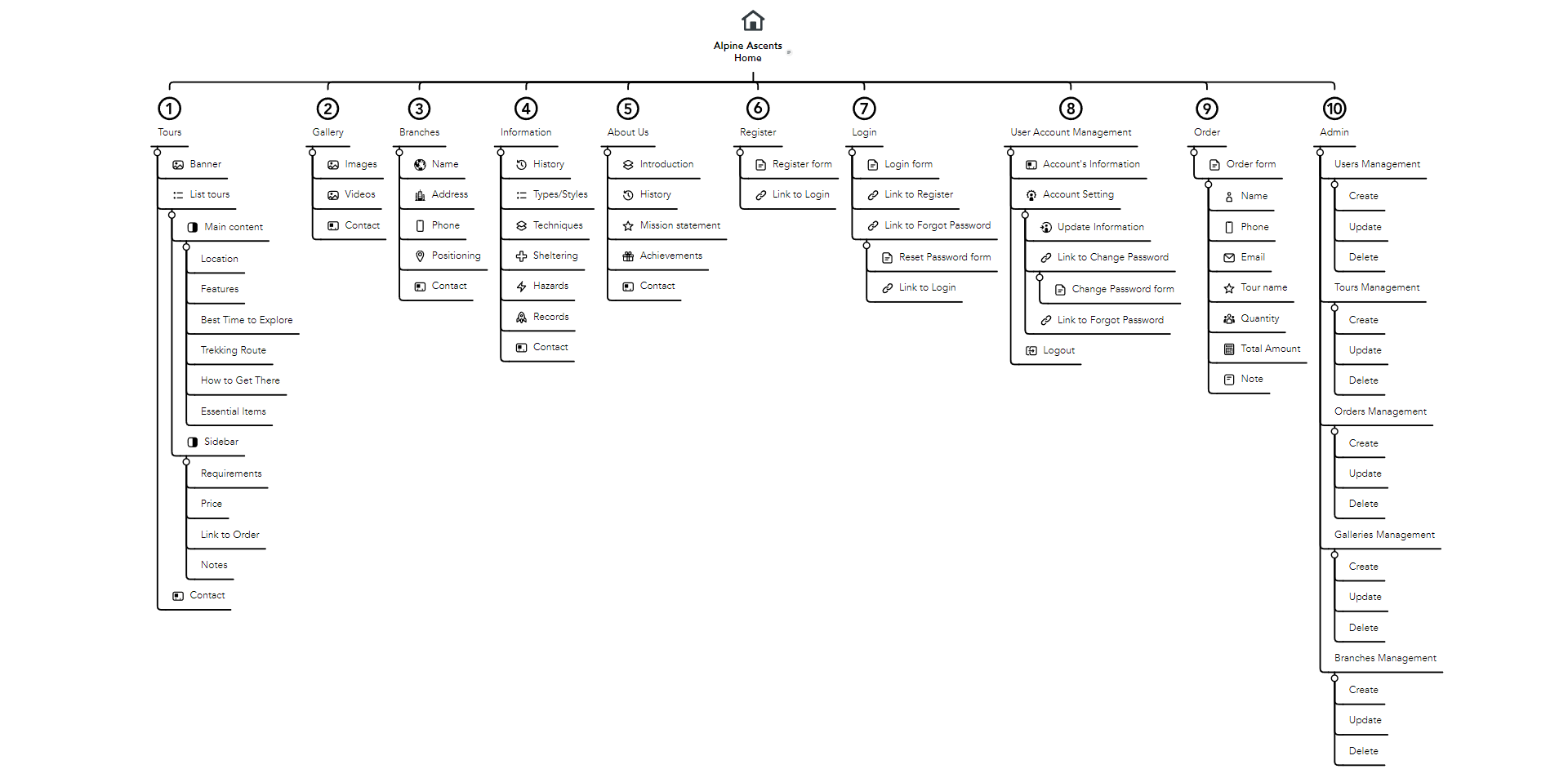
#### ****2.1.12. Bảng cate\_pooltables****

* **Mô tả**: Danh mục bàn bi-a.
* **Các trường**:
  + id: **BIGINT**, Khóa chính.
  + name: **VARCHAR**, tên danh mục bàn.
  + shortName: **VARCHAR**, viết tắt của tên.
  + price: **DECIMAL(10,2)**, giá thuê.
  + timestamps: **DATETIME**, thời gian tạo và cập nhật.

## **2.2. Sơ đồ quan hệ**

Quan hệ chính giữa các bảng:

* users (1:N) orders
* customers (1:N) orders
* orders (1:N) order\_items
* products (1:N) order\_items
* categories (1:N) products
* orders (1:N) bookings
* pooltables (1:N) bookings
* cate\_pooltables (1:N) pooltables
* roles (1:N) users
* roles (N:M) permissions
  + Sitemap



* + **System functions design**
    1. **Chức năng quản lý bàn Bi-a**
       1. **Chi tiết chức năng**

1. **Thông tin đầu vào:**

* Danh sách các bàn bi-a:
  + Tên bàn: Tên của từng bàn bi-a trong hệ thống (Ví dụ: "STD 1", "DLX 10").
  + Trạng thái bàn: "Available" (Còn trống), "Playing" (Đang chơi), "Ordered" (Đã đặt trước).
  + Loại bàn: Phân loại bàn theo các nhóm như STD, DLX, VIP, BRP.
  + Thông tin đơn hàng liên quan: Nếu bàn đã đặt hoặc đang chơi, hệ thống hiển thị thông tin khách hàng, thời gian chơi, hóa đơn, v.v.

1. **Thông tin đầu ra:**

* Danh sách bàn bi-a đang hoạt động:
  + Hiển thị trực quan trạng thái các bàn (màu sắc thể hiện trạng thái như trong hình ảnh giao diện).
  + Khi hover vào từng bàn, hiển thị chi tiết: - Loại bàn - Số bàn - Trạng thái hiện tại - Nếu đang chơi hoặc đặt trước, hiển thị thông tin khách hàng và hóa đơn liên quan

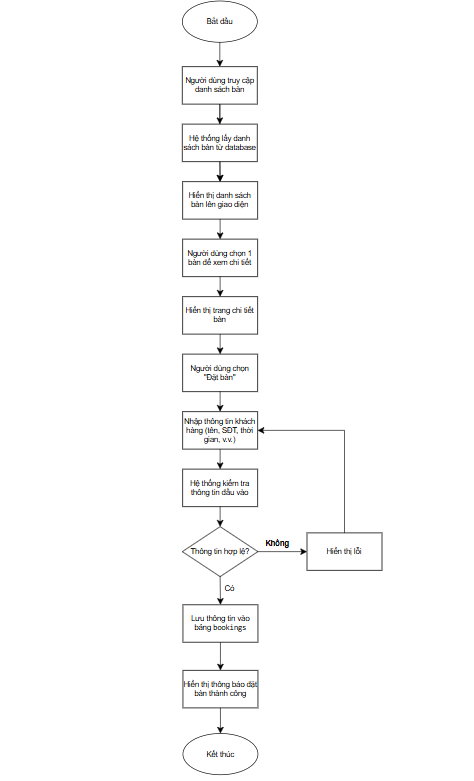
1. **Cách thức xử lý:**

* Truy xuất dữ liệu từ database về danh sách bàn bi-a:
  + Lấy danh sách bàn bi-a hiện có, trạng thái và thông tin chi tiết của bàn. •
* Hiển thị thông tin bàn bi-a trên giao diện:
  + Sử dụng biểu tượng trực quan để hiển thị trạng thái bàn.
  + Hover vào bàn sẽ hiển thị popup chứa thông tin chi tiết và đơn hàng liên quan.
* Xử lý đặt bàn:
  + Cho phép admin thêm mới hoặc cập nhật trạng thái bàn.
  + Khi một khách hàng đặt bàn, hệ thống cập nhật trạng thái từ "Available" sang "Ordered". o Khi khách bắt đầu chơi, cập nhật từ "Ordered" sang "Playing".
  + Khi khách kết thúc, cập nhật từ "Playing" về "Available" và tạo hóa đơn.

1. **Dữ liệu cần lưu trữ:**

* Bảng pooltables (Thông tin bàn bi-a) o id: BIGINT, Khóa chính. o cate\_id: BIGINT, khóa ngoại tham chiếu cate\_pooltables(id). o name: VARCHAR, tên bàn. o status: VARCHAR, trạng thái bàn (Available, Playing, Ordered). o timestamps: DATETIME, thời gian tạo và cập nhật.
* Bảng cate\_pooltables (Danh mục bàn bi-a) o id: BIGINT, Khóa chính. o name: VARCHAR, tên danh mục bàn. o shortName: VARCHAR, viết tắt của tên. o price: DECIMAL(10,2), giá thuê. o timestamps: DATETIME, thời gian tạo và cập nhật.
* Bảng bookings (Thông tin đặt bàn) o id: BIGINT, Khóa chính. o order\_id: BIGINT, khóa ngoại tham chiếu orders(id). o table\_id: BIGINT, khóa ngoại tham chiếu pooltables(id). o start\_time: DATETIME, thời gian bắt đầu. o end\_time: DATETIME, thời gian kết thúc. o timeplay: INTEGER, tổng thời gian chơi. o total: DECIMAL(10,2), tổng tiền thuê bàn. o booking\_status: VARCHAR, trạng thái đặt bàn. o timestamps: DATETIME, thời gian tạo và cập nhật.
  + - 1. **Thiết kế giao diện (UI/UX):**
* Trang danh sách bàn bi-a:
  + Hiển thị danh sách bàn bi-a với các trạng thái khác nhau (Available, Ordered, Playing).
  + Mỗi bàn hiển thị theo dạng biểu tượng bàn bi-a trực quan.
  + Khi hover vào bàn, hiển thị chi tiết bàn và thông tin đơn hàng (nếu có).
* b. Trang đặt bàn:
  + Form nhập thông tin khách hàng, số điện thoại, nhân viên phục vụ.
  + Danh sách bàn đã đặt hoặc đang chơi của khách.
  + Cho phép thêm mới đặt bàn hoặc chỉnh sửa thông tin.
  + Nút "Hoàn thành đơn hàng" khi khách thanh toán.
* Form đặt bàn:
  + Cho phép chọn bàn bi-a từ danh sách.
  + Nhập thông tin khách hàng và ghi chú đặc biệt (nếu có).
  + Nút "Xác nhận" để lưu thông tin đặt bàn vào hệ thống.
    - 1. **Sơ đồ hoạt động (Flowchart)**

1. **Lưu đồ tổng quan chức năng Tours:**

****

1. **Mô tả chi tiết các bước:**

* Người dùng truy cập danh sách bàn bi-a:
  + Hệ thống lấy danh sách bàn từ database và hiển thị trên giao diện.
* Hiển thị chi tiết bàn:
  + Khi người dùng click vào một bàn, trang chi tiết được hiển thị với thông tin đầy đủ về bàn đó.
* Đặt bàn:
  + Người dùng có thể chọn bàn, nhập thông tin khách hàng, hệ thống kiểm tra thông tin đầu vào và lưu thông tin vào bảng bookings.
* Xử lý đặt bàn:
  + Hệ thống hiển thị thông báo thành công và lưu đơn đặt bàn.
    - 1. **Thuật toán giải quyết:**
* Truy xuất dữ liệu bàn từ database:
  + Sử dụng truy vấn SQL để lấy thông tin từ bảng pooltables, bao gồm tên, loại, trạng thái và thông tin liên quan.
* Lưu thông tin đặt bàn:
  + Sau khi kiểm tra thông tin đầu vào hợp lệ, đơn hàng sẽ được lưu vào bảng bookings.
    1. Chức năng Quản lý Order
       1. Chi tiết chức năng

1. Thông tin đầu vào: •

* Thông tin về order:
  + Tên khách hàng: Tên của người đặt order (Ví dụ: "Nguyễn Văn A").
  + Số điện thoại: Thông tin liên lạc.
  + Tên bàn: Bàn billiards đang sử dụng.
  + Thời gian bắt đầu: Giờ khách hàng bắt đầu chơi.
  + Thời gian kết thúc: Giờ kết thúc.
  + Giá thuê bàn: Chi phí tính theo giờ.
  + Sản phẩm: Danh sách món được gọi (nước, đồ ăn vặt,...).
  + Nhân viên phục vụ: Tên nhân viên phục vụ.
  + Tổng chi phí: Tính tổng dựa trên thời gian chơi và order.
* Yêu cầu của người dùng (admin):
  + Yêu cầu thêm, chỉnh sửa hoặc xóa order từ hệ thống.

1. Thông tin đầu ra:

* Danh sách order: Hiển thị danh sách order bao gồm tên khách, số điện thoại, bàn billiards, trạng thái.
* Chi tiết order: Hiển thị thông tin chi tiết khi người dùng yêu cầu.
* Kết quả thêm, sửa, xóa order: Thông báo thành công hoặc lỗi.

1. Cách thức xử lý

* Thêm order mới:
  + Admin trân truy cập vào trang thêm order.
  + Nhập thông tin khách hàng, bàn, giờ chơi, sản phẩm.
  + Hệ thống kiểm tra dữ liệu, nếu hợp lệ, order sẽ được lưu vào database.
  + Hiển thị thông báo thêm order thành công.
* Chỉnh sửa order:
  + Admin chọn một order cần chỉnh sửa.
  + Hệ thống hiển thị thông tin hiện tại.
  + Admin cập nhật thông tin và gửi yêu cầu.
  + Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, nếu đúng sẽ cập nhật vào database.
  + Hiển thị thông báo chỉnh sửa thành công.
* Xóa order:
  + Admin chọn order cần xóa.
  + Hệ thống kiểm tra xem order đã thanh toán chưa.
  + Nếu chưa thanh toán, cho phép xóa.
  + Hiển thị thông báo xóa thành công.
    - 1. Thiết kế giao diện (UI/UX)

1. Giao diện thêm mới Order:

* Form nhập tên khách hàng, bàn billiards, sản phẩm, giờ chơi.
* Nút "Lưu order"

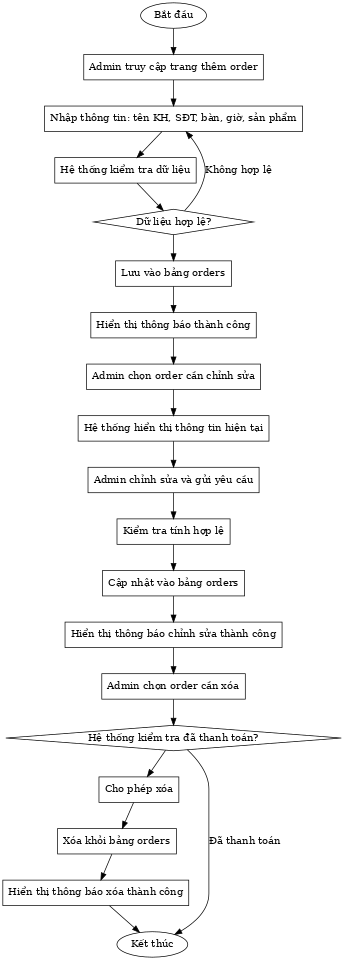
1. Giao diện danh sách Order:

* Hiển thị thông tin hiện tại.
* Nút "Cập nhật".

1. Giao diện danh sách order:

* Hiển thị danh sách tất cả order.
* Nút "Chỉnh sửa" hoặc "Xóa".
  + - 1. Sơ đồ hoạt động (Flowchart)

1. Lưu đồ tổng quan chức năng Quản lý Tours:



1. Mô tả chi tiết các bước:

* Thêm order mới:
  + Admin nhập thông tin order vào form thêm mới.
  + Hệ thống kiểm tra dữ liệu, nếu hợp lệ sẽ lưu thông tin vào bảng orders và hiển thị thông báo thành công.
* Chỉnh sửa order:
  + Admin chọn một order hiện có, hệ thống tải dữ liệu hiện tại.
  + Admin cập nhật thông tin và hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, sau đó lưu lại thông tin mới.
* Xóa order:
  + Admin chọn order cần xóa, hệ thống kiểm tra xem order có liên kết với dữ liệu khác không.
  + Nếu không, hệ thống sẽ xóa order và hiển thị thông báo thành công.
    - 1. Thuật toán giải quyết:

1. Thêm order mới:

* Bước 1: Nhận dữ liệu từ form nhập liệu.
* Bước 2: Kiểm tra các trường bắt buộc như tên, số điện thoại, bàn, sản phẩm.
* Bước 3: Nếu hợp lệ, lưu dữ liệu vào bảng orders.

1. Chỉnh sửa order:

* Bước 1: Lấy dữ liệu order hiện tại từ database.
* Bước 2: Admin chỉnh sửa các thông tin và gửi yêu cầu cập nhật.
* Bước 3: Kiểm tra dữ liệu, nếu hợp lệ sẽ cập nhật vào bảng orders.

1. Xóa order:

* Bước 1: Admin chọn order cần xóa.
* Bước 2: Kiểm tra liên kết dữ liệu (ví dụ: có đơn đặt hàng liên quan không).
* Bước 3: Nếu không có liên kết, xóa order khỏi bảng orders.
  + 1. Chức năng Products
       1. Chi tiết chức năng

1. Thông tin đầu vào:

* Tên sản phẩm: Tên của sản phẩm hoặc dịch vụ cung cấp trong hệ thống (Ví dụ: Gậy bi-a, Nước uống, Đồ ăn nhẹ, Board Game,...).
* Số lượng: Số lượng sản phẩm hiện có trong kho. • Giá: Giá bán hoặc giá thuê của sản phẩm.
* Đơn vị tính: Đơn vị đo lường của sản phẩm (Ví dụ: Cái, Ly, Gói,...).
* Danh mục sản phẩm: Sản phẩm thuộc danh mục nào (Ví dụ: Cues for Rent, Drinks, Food, Board Game,...).
* Hình ảnh: Hình ảnh minh họa cho sản phẩm (nếu có).

1. Thông tin đầu ra:

* Danh sách sản phẩm: Hiển thị tất cả sản phẩm có trong hệ thống, được phân loại theo danh mục.
* Chi tiết sản phẩm: Hiển thị thông tin chi tiết của từng sản phẩm khi người dùng yêu cầu. • Kết quả thêm, sửa, xóa sản phẩm: Thông báo cho admin về kết quả thao tác.

1. Cách thức xử lý:

* Thêm sản phẩm mới:
  + Admin truy cập trang quản lý sản phẩm.
  + Nhập thông tin sản phẩm, bao gồm tên, số lượng, giá, đơn vị tính, danh mục và hình ảnh.
  + Hệ thống kiểm tra dữ liệu, nếu hợp lệ, lưu vào database.
  + Hiển thị thông báo thêm sản phẩm thành công.
* Chỉnh sửa sản phẩm:
  + Admin chọn một sản phẩm cần chỉnh sửa.
  + Hệ thống hiển thị thông tin hiện tại.
  + Admin cập nhật thông tin cần thiết và gửi yêu cầu.
  + Hệ thống kiểm tra và cập nhật dữ liệu vào database.
  + Hiển thị thông báo chỉnh sửa thành công.
* Xóa sản phẩm:
  + Admin chọn sản phẩm cần xóa.
  + Hệ thống kiểm tra xem sản phẩm có liên kết với đơn hàng hoặc dữ liệu khác không.
  + Nếu không có liên kết, hệ thống xóa sản phẩm khỏi database.
  + Hiển thị thông báo xóa thành công.

1. Dữ liệu cần lưu trữ.

* id: ID duy nhất của sản phẩm.
* name: Tên sản phẩm.
* quantity: Số lượng tồn kho.
* price: Giá sản phẩm.
* unit: Đơn vị tính.
* category\_id: ID danh mục sản phẩm..
* created\_at: Ngày tạo.
* updated\_at: Ngày cập nhật.
  + - 1. Thiết kế giao diện (UI/UX)
    1. Giao diện danh sách sản phẩm:
* Hiển thị danh sách tất cả các sản phẩm theo từng danh mục.
* Cột thông tin gồm: Tên sản phẩm, số lượng, giá, đơn vị tính.
* Các nút thao tác: Chỉnh sửa, Xóa, Cập nhật số lượng.
* Nút "Thêm danh mục" để tạo mới danh mục sản phẩm.

b. Giao diện thêm/sửa sản phẩm:

* Form nhập các thông tin: Tên, số lượng, giá, đơn vị tính, danh mục, hình ảnh.
* Nút "Lưu sản phẩm" để thêm mới hoặc cập nhật thông tin.
  + - 1. Sơ đồ hoạt động (Flowchart)

1. Lưu đồ tổng quan chức năng Quản lý Gallery:



1. Mô tả chi tiết các bước:

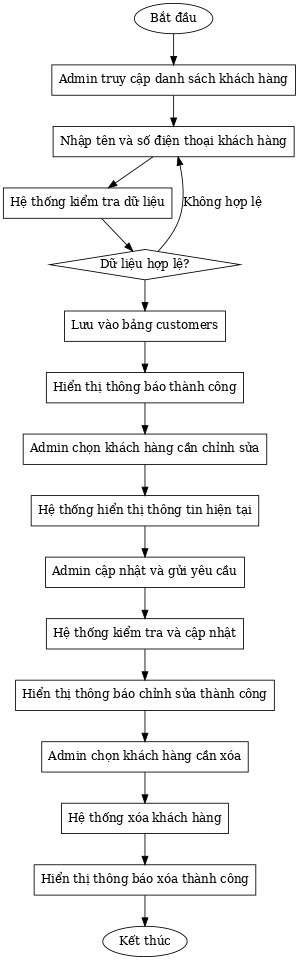
Hiển thị gallery:

* Bước 1: Người dùng truy cập trang gallery.
* Bước 2: Hệ thống truy vấn bảng galleries để lấy tất cả hình ảnh và video liên kết với tours\_id của từng tour.
* Bước 3: Hiển thị hình ảnh dưới dạng slideshow và nhúng video từ YouTube vào trang.
* Bước 4: Người dùng có thể điều hướng giữa các ảnh và phát video trực tiếp trên trang.
  + - 1. Thuật toán giải quyết hiển thị product:
* Thêm sản phẩm:
  + Bước 1: Nhận dữ liệu từ form nhập liệu.
  + Bước 2: Kiểm tra các trường bắt buộc như tên, số lượng, giá, đơn vị tính.
  + Bước 3: Nếu hợp lệ, lưu dữ liệu vào bảng products.
* Chỉnh sửa sản phẩm:
  + Bước 1: Lấy dữ liệu sản phẩm hiện tại từ database.
  + Bước 2: Admin chỉnh sửa thông tin và gửi yêu cầu cập nhật.
  + Bước 3: Kiểm tra dữ liệu, nếu hợp lệ, cập nhật vào bảng products.
* Xóa sản phẩm:
  + Bước 1: Admin chọn sản phẩm cần xóa.
  + Bước 2: Kiểm tra liên kết dữ liệu (ví dụ: có đơn hàng liên quan không).
  + Bước 3: Nếu không có liên kết, xóa sản phẩm khỏi bảng products.
    1. Chức năng quản lý Customer
       1. Chi tiết chức năng:
    2. Thông tin đầu vào:
* Tên khách hàng: Họ và tên khách hàng (Ví dụ: "Nguyễn Văn A").
* Số điện thoại: Số điện thoại liên lạc của khách hàng.
* Thời gian chơi tổng: Số giờ khách hàng đã chơi bi-a trong hệ thống.
  + 1. Thông tin đầu ra:
* Danh sách khách hàng: Hiển thị danh sách tất cả khách hàng, bao gồm ID, tên, số điện thoại, tổng thời gian chơi.
* Chi tiết khách hàng: Hiển thị thông tin chi tiết khi người dùng lựa chọn.
* Kết quả thêm, sửa, xóa khách hàng: Hiển thông báo thao tác thành công hoặc lỗi.
  + 1. Cách thức xử lý:
* Thêm khách hàng mới:
  + Admin truy cập trang danh sách khách hàng.
  + Nhập tên và số điện thoại của khách hàng.
  + Hệ thống kiểm tra dữ liệu, nếu hợp lệ, thêm vào database.
  + Hiển thông báo thành công.

1. Dữ liệu cần lưu trữ:

Bảng customers:

* id: ID duy nhất của khách hàng.
* name: Tên khách hàng.
* phone\_number: Số điện thoại.
* total\_playtime: Tổng thời gian chơi bi-a.
* created\_at: Ngày tạo.
* updated\_at: Ngày cập nhật.
  + - 1. Thiết kế giao diện (UI/UX)
    1. Giao diện danh sách khách hàng:
* Hiển thị danh sách khách hàng, bao gồm: ID, Tên, Số điện thoại, Tổng thời gian chơi.
* Thanh tìm kiếm theo tên khách hàng.
* Nút "Thêm khách hàng" để tạo mới.
  + 1. Giao diện thêm/sửa khách hàng:
* Form nhập tên, số điện thoại.
* Hiển thị tổng thời gian chơi.
* Nút "Lưu" để xác nhận thêm hoặc chỉnh sửa.
* Nút "Hủy" để thoát.
  + - 1. Sơ đồ hoạt động (Flowchart)
    1. Lưu đồ tổng quan chức năng quản lý Gallery



1. Mô tả chi tiết các bước

**Thêm khách hàng mới**

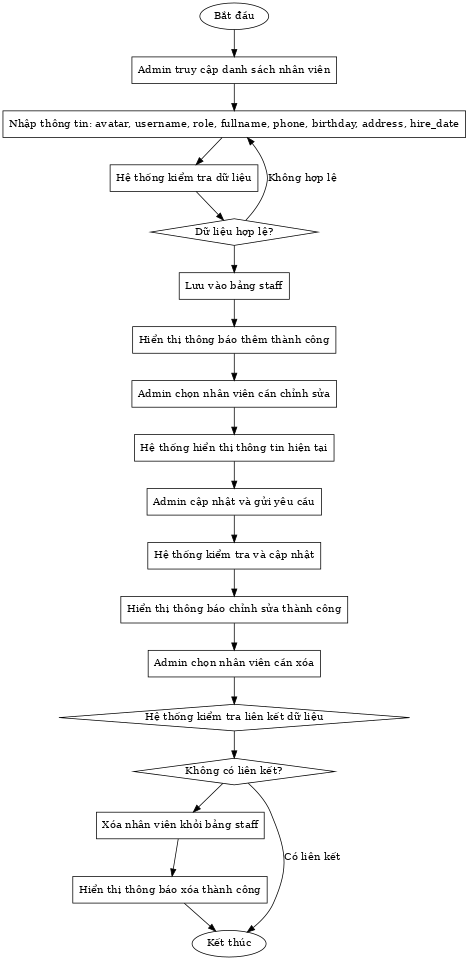
* Bước 1: Admin truy cập trang danh sách khách hàng.
* Bước 2: Nhập thông tin **tên** và **số điện thoại** vào form.
* Bước 3: Hệ thống kiểm tra dữ liệu đầu vào: Nếu thiếu thông tin hoặc không hợp lệ → hiển thị lỗi. Nếu hợp lệ → tiếp tục.
* Bước 4: Lưu dữ liệu vào bảng customers.
* Bước 5: Hiển thị thông báo "Thêm khách hàng thành công".

**Chỉnh sửa khách hàng**

* Bước 1: Admin chọn khách hàng cần chỉnh sửa.
* Bước 2: Hệ thống hiển thị thông tin hiện tại.
* Bước 3: Admin cập nhật các trường cần thay đổi.
* Bước 4: Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ và cập nhật vào database.
* Bước 5: Hiển thị thông báo "Cập nhật thông tin thành công".

**Xóa khách hàng**

* Bước 1: Admin chọn khách hàng cần xóa.
* Bước 2: Hệ thống tiến hành xóa khỏi bảng customers.
* Bước 3: Hiển thị thông báo "Xóa khách hàng thành công".
  + - 1. Thuật toán giải quyết:
* Thêm khách hàng mới:
  + Bước 1: Admin nhập thông tin vào form.
  + Bước 2: Hệ thống kiểm tra dữ liệu, nếu hợp lệ sẽ lưu vào bảng customers và hiển thị thông báo thành công.
* Chỉnh sửa khách hàng:
  + Bước 1: Admin chọn một khách hàng hiện có, hệ thống tải dữ liệu hiện tại.
  + Bước 2: Admin cập nhật thông tin và hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, sau đó lưu lại thông tin mới.
* Xóa khách hàng:
  + Bước 1: Admin chọn khách hàng cần xóa.
  + Bước 2: Hệ thống xóa khách hàng và hiển thị thông báo thành công.
    1. Chức năng Staff
       1. Chi tiết chức năng Staff
    2. Thông tin đầu vào:
* Avatar: Hình ảnh đại diện của nhân viên.
* Tên đăng nhập (Username): Tên tài khoản nhân viên.
* Chức vụ (Role): Vai trò trong hệ thống (Admin, Manager, Receptionist, Warehouse,...).
* Họ và tên (FullName): Tên đầy đủ của nhân viên.
* Số điện thoại (Phone): Liên lạc nhân viên.
* Ngày sinh (Birthday): Ngày tháng năm sinh của nhân viên.
* Địa chỉ (Address): Địa chỉ hiện tại.
* Ngày tuyển dụng (Hire Date): Ngày bắt đầu làm việc.
  + 1. Thông tin đầu ra:
* Danh sách nhân viên: Hiển thị danh sách nhân viên trong hệ thống, bao gồm avatar, tên đăng nhập, vai trò, họ tên, số điện thoại, ngày sinh, địa chỉ, ngày tuyển dụng.
* Chi tiết nhân viên: Hiển thị thông tin chi tiết khi người dùng lựa chọn.
* Kết quả thêm, sửa, xóa nhân viên: Hiển thông báo thao tác thành công hoặc lỗi.
  + 1. Cách thức xử lý:
* Thêm nhân viên mới:
  + Admin truy cập trang danh sách nhân viên.
  + Nhập thông tin nhân viên (avatar, username, role, fullname, phone, birthday, address, hire date).
  + Hệ thống kiểm tra dữ liệu, nếu hợp lệ, thêm vào database.
  + Hiển thông báo thành công.
* Chỉnh sửa nhân viên:
  + Admin chọn nhân viên cần chỉnh sửa.
  + Hệ thống tải thông tin hiện tại.
  + Admin cập nhật thông tin cần thiết, gửi yêu cầu.
  + Hệ thống kiểm tra và lưu lại nếu hợp lệ.
  + Hiển thông báo cập nhật thành công.
* Xóa nhân viên:
  + Admin chọn nhân viên cần xóa.
  + Hệ thống kiểm tra xem nhân viên có liên kết dữ liệu nào không.
  + Nếu không có liên kết, xóa nhân viên khỏi database. o Hiển thông báo xóa thành công.
    1. Dữ liệu cần lưu trữ:
* id: ID duy nhất của nhân viên.
* avatar: Hình ảnh đại diện.
* username: Tên đăng nhập.
* role: Chức vụ.
* full\_name: Họ và tên.
* phone: Số điện thoại.
* birthday: Ngày sinh.
* address: Địa chỉ.
* hire\_date: Ngày tuyển dụng.
* created\_at: Ngày tạo.
* updated\_at: Ngày cập nhật.
  + - 1. Thiết kế giao diện (UI/UX):
* Giao diện danh sách chi nhánh:
  + Hiển thị danh sách chi nhánh với các thông tin như tên, địa chỉ, và số điện thoại.
  + Bên cạnh đó là bản đồ với các marker chỉ ra vị trí của từng chi nhánh. • Bản đồ:
  + Hiển thị bản đồ với các marker để chỉ ra vị trí của các chi nhánh.
    - 1. Sơ đồ hoạt động (Flowchart):
    1. Lưu đồ tổng quan chức năng Branches



* + 1. Mô tả chi tiết các bước:

**Thêm nhân viên mới**

* **Bước 1**: Admin truy cập trang danh sách nhân viên.
* **Bước 2**: Nhập thông tin vào form (avatar, username, role, fullname, phone, birthday, address, hire\_date).
* **Bước 3**: Hệ thống kiểm tra dữ liệu:
  + Nếu thiếu hoặc sai định dạng → hiển thị lỗi.
  + Nếu hợp lệ → tiếp tục.
* **Bước 4**: Lưu vào bảng staff.
* **Bước 5**: Hiển thị thông báo "Thêm nhân viên thành công".

**Chỉnh sửa nhân viên**

* **Bước 1**: Admin chọn nhân viên cần chỉnh sửa.
* **Bước 2**: Hệ thống hiển thị thông tin hiện tại.
* **Bước 3**: Admin chỉnh sửa thông tin và gửi yêu cầu cập nhật.
* **Bước 4**: Hệ thống kiểm tra hợp lệ và cập nhật vào database.
* **Bước 5**: Hiển thị thông báo "Cập nhật thông tin thành công".

**Xóa nhân viên**

* **Bước 1**: Admin chọn nhân viên cần xóa.
* **Bước 2**: Hệ thống kiểm tra xem có liên kết dữ liệu (ví dụ: đơn hàng, log hoạt động).
* **Bước 3**:
  + Nếu **không có liên kết**: tiến hành xóa nhân viên.
  + Nếu **có liên kết**: không xóa và hiển thị thông báo.
* **Bước 4**: Hiển thị thông báo "Xóa nhân viên thành công".
* Validation Checklists

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Table** | **Column** | **Validation** |
| **users** | username | Required, Unique, Chuỗi (string), độ dài tối đa 100 ký tự |
| password | Required, Chuỗi (string), độ dài tối đa 100 ký tự |
| fullname | Required, Chuỗi (string), độ dài tối đa 50 ký tự |
| phone | Required, Chuỗi (string), định dạng số điện thoại hợp lệ |
| address | Nullable, Chuỗi (string), độ dài tối đa 100 ký tự |
| hire\_date | Required, Ngày tháng định dạng hợp lệ (date) |
| birthday | Nullable, Ngày tháng định dạng hợp lệ (date) |
| role\_id | Required, Số nguyên (integer), khóa ngoại tham chiếu bảng roles |
| image\_path | Required, Chuỗi (string), độ dài tối đa 100 ký tự |
| **customers** | name | Required, Chuỗi (string), độ dài tối đa 50 ký tự |
| phone | Required, Chuỗi (string), định dạng số điện thoại hợp lệ |
| total\_playtime | Nullable, Số thực (double), giá trị lớn hơn hoặc bằng 0 |
| birthday | Nullable, Ngày tháng định dạng hợp lệ (date) |
| address | Nullable, Chuỗi (string), độ dài tối đa 100 ký tự |
| **products** | name | Required, Chuỗi (string), độ dài tối đa 255 ký tự |
| category\_id | Required, Số nguyên (integer), khóa ngoại tham chiếu bảng category |
| price | Required, Số thực (double), giá trị lớn hơn 0 |
| unit | Required, Chuỗi (string), độ dài tối đa 255 ký tự |
| quantity | Nullable, Số nguyên (integer), giá trị lớn hơn hoặc bằng 0 |
| **orders** | customer\_id | Required, Số nguyên (integer), khóa ngoại tham chiếu bảng customers |
| user\_id | Required, Số nguyên (integer), khóa ngoại tham chiếu bảng users |
| total\_cost | Nullable, Số thực (double), giá trị lớn hơn hoặc bằng 0 |
| order\_date | Required, Ngày giờ định dạng hợp lệ (datetime) |
| order\_status | Required, Enum ('Order','Playing','Finished','Paid','Canceled') |
| **orders\_items** | order\_id | Required, Số nguyên (integer), khóa ngoại tham chiếu bảng orders |
| product\_id | Required, Số nguyên (integer), khóa ngoại tham chiếu bảng products |
| quantity | Required, Số nguyên (integer), giá trị lớn hơn 0 |
| total | Nullable, Số thực (double), tự động tính toán dựa trên quantity và giá sản phẩm |
| **bookings** | order\_id | Required, Số nguyên (integer), khóa ngoại tham chiếu bảng orders |
| table\_id | Required, Số nguyên (integer), khóa ngoại tham chiếu bảng pooltables |
| start\_time | Required, Timestamp hợp lệ |
| end\_time | Nullable, Timestamp hợp lệ |
| timeplay | Nullable, Số thực (double), giá trị lớn hơn hoặc bằng 0 |
| total | Nullable, Số thực (double), giá trị lớn hơn hoặc bằng 0 |
| booking\_status | Required, Enum ('Order','Playing','Finish','Canceled') |
| **pooltables** | cate\_id | Required, Số nguyên (integer), khóa ngoại tham chiếu bảng cate\_pooltables |
| name | Required, Chuỗi (string), độ dài tối đa 255 ký tự |
| status | Required, Enum ('Available','Ordered','Playing') |
| **category** | category\_name | Required, Chuỗi (string), độ dài tối đa 255 ký tự |
| **cate\_pooltables** | name | Required, Chuỗi (string), độ dài tối đa 255 ký tự |
| shortName | Required, Chuỗi (string), độ dài tối đa 10 ký tự |
| price | Required, Số thực (double), giá trị lớn hơn 0 |
| **roles** | role\_name | Required, Chuỗi (string), độ dài tối đa 50 ký tự |
| **permissions** | permission\_name | Required, Chuỗi (string), độ dài tối đa 100 ký tự |
| description | Required, Chuỗi (string), độ dài tối đa 100 ký tự |

* Task sheet

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Task** | **Start time** | **Finish time** | **Implemented by** | **Evaluation (%)** |
| **Feasibility study phase** |  |  |  |  |
| Xác định mục tiêu tổng quan của dự án | 21/08/2024 | 23/08/2024 | Hieu Nguyen Van | 25% |
| Xác định mục tiêu tổng quan của dự án | 21/08/2024 | 23/08/2024 | Quan Luu Minh | 25% |
| Xác định mục tiêu tổng quan của dự án | 21/08/2024 | 23/08/2024 | Manh Nguyen Duc | 25% |
| Xác định mục tiêu tổng quan của dự án | 21/08/2024 | 23/08/2024 | Long Nguyen Viet | 25% |
| Đánh giá nguồn lực nhân sự | 21/08/2024 | 23/08/2024 | Hieu Nguyen Van | 100% |
| Xác định các công nghệ và framework có thể sử dụng | 21/08/2024 | 23/08/2024 | Hieu Nguyen Van | 25% |
| Xác định các công nghệ và framework có thể sử dụng | 21/08/2024 | 23/08/2024 | Quan Luu Minh | 25% |
| Xác định các công nghệ và framework có thể sử dụng | 21/08/2024 | 23/08/2024 | Manh Nguyen Duc | 25% |
| Xác định các công nghệ và framework có thể sử dụng | 21/08/2024 | 23/08/2024 | Long Nguyen Viet | 25% |
| Phân tích về việc tích hợp với các công nghệ bên ngoài | 21/08/2024 | 23/08/2024 | Hieu Nguyen Van | 25% |
| Phân tích về việc tích hợp với các công nghệ bên ngoài |  |  | Quan Luu Minh | 25% |
| Phân tích về việc tích hợp với các công nghệ bên ngoài |  |  | Manh Nguyen Duc | 25% |
| Phân tích về việc tích hợp với các công nghệ bên ngoài |  |  | Long Nguyen Viet | 25% |
| **Requirement Analysis phase** |  |  |  |  |
| Xác định rõ các chức năng, tính năng cần có trong hệ thống | 21/08/2024 | 23/08/2024 | Hieu Nguyen Van | 50% |
| Xác định rõ các chức năng, tính năng cần có trong hệ thống | 21/08/2024 | 23/08/2024 | Long Nguyen Viet | 50% |
| Phân tích yêu cầu về cơ sở dữ liệu, các bảng cần thiết | 21/08/2024 | 23/08/2024 | Hieu Nguyen Van | 50% |
| Phân tích yêu cầu về cơ sở dữ liệu, các bảng cần thiết | 21/08/2024 | 23/08/2024 | Long Nguyen Viet | 50% |
| **Design phase** |  |  |  |  |
| Thiết kế kiến trúc cơ sở dữ liệu | 24/08/2024 | 30/08/2024 | Hieu Nguyen Van | 50% |
| Thiết kế kiến trúc cơ sở dữ liệu | 24/08/2024 | 30/08/2024 | Long Nguyen Viet | 50% |
| Thiết kế kiến trúc hệ thống | 24/08/2024 | 30/08/2024 | Quan Luu Minh | 50% |
| Thiết kế kiến trúc hệ thống | 24/08/2024 | 30/08/2024 | Manh Nguyen Duc | 50% |
| Tạo sơ đồ ERD | 21/08/2024 | 23/08/2024 | Long Nguyen Viet | 100% |
| Thiết kế sơ đồ hoạt động cho các chức năng chính | 24/08/2024 | 30/08/2024 | Hieu Nguyen Van | 50% |
| Thiết kế sơ đồ hoạt động cho các chức năng chính | 24/08/2024 | 30/08/2024 | Long Nguyen Viet | 50% |
| Thiết kế UI/UX cho các trang chính | 24/08/2024 | 30/08/2024 | Quan Luu Minh | 50% |
| Thiết kế UI/UX cho các trang chính | 24/08/2024 | 30/08/2024 | Manh Nguyen Duc | 50% |
| Thiết kế API nếu có tích hợp với các dịch vụ bên ngoài | 24/08/2024 | 30/08/2024 | Hieu Nguyen Van | 100% |
| **Development phase** |  |  |  |  |
| Xây dựng cơ sở dữ liệu và các bảng dựa trên kiến trúc đã thiết kế | 31/08/2024 | 05/09/2024 | Hieu Nguyen Van | 25% |
| Xây dựng cơ sở dữ liệu và các bảng dựa trên kiến trúc đã thiết kế | 31/08/2024 | 05/09/2024 | Quan Luu Minh | 25% |
| Xây dựng cơ sở dữ liệu và các bảng dựa trên kiến trúc đã thiết kế | 31/08/2024 | 05/09/2024 | Manh Nguyen Duc | 25% |
| Xây dựng cơ sở dữ liệu và các bảng dựa trên kiến trúc đã thiết kế | 31/08/2024 | 05/09/2024 | Long Nguyen Viet | 25% |
| Phát triển các chức năng cơ bản | 31/08/2024 | 23/09/2024 | Hieu Nguyen Van | 25% |
| Phát triển các chức năng cơ bản | 31/08/2024 | 23/09/2024 | Quan Luu Minh | 25% |
| Phát triển các chức năng cơ bản | 31/08/2024 | 23/09/2024 | Manh Nguyen Duc | 25% |
| Phát triển các chức năng cơ bản | 31/08/2024 | 23/09/2024 | Long Nguyen Viet | 25% |
| Xây dựng chức năng quản lý người dùng | 31/08/2024 | 23/09/2024 | Hieu Nguyen Van | 100% |
| Xây dựng chức năng quản lý vai trò và quyền hạn |  |  | Hieu Nguyen Van | 100% |
| Xây dựng chức năng quản lý danh sách pool tables, category pool tables | 31/08/2024 | 23/09/2024 | Quan Luu Minh | 30% |
| Xây dựng chức năng quản lý danh sách pool tables, category pool tables | 31/08/2024 | 23/09/2024 | Manh Nguyen Duc | 70% |
| Xây dựng chức năng quản lý danh sách orders |  |  | Manh Nguyen Duc | 55% |
| Xây dựng chức năng quản lý danh sách orders | 31/08/2024 | 15/09/2024 | Long Nguyen Viet | 45% |
| Xây dựng chức năng quản lý danh sách products, category products | 31/08/2024 | 15/09/2024 | Hieu Nguyen Van | 100% |
| Xây dựng chức năng quản lý khách hàng |  |  | Quan Luu Minh | 40% |
| Xây dựng chức năng quản lý khách hàng |  |  | Manh Nguyen Duc | 60% |
| Xây dựng chức năng báo cáo, thống kê |  |  | Long Nguyen Viet | 100% |
| Viết các seeder cho database để thêm dữ liệu mẫu | 31/08/2024 | 05/09/2024 | Hieu Nguyen Van | 25% |
| Viết các seeder cho database để thêm dữ liệu mẫu | 31/08/2024 | 05/09/2024 | Quan Luu Minh | 25% |
| Viết các seeder cho database để thêm dữ liệu mẫu | 31/08/2024 | 05/09/2024 | Manh Nguyen Duc | 25% |
| Viết các seeder cho database để thêm dữ liệu mẫu | 31/08/2024 | 05/09/2024 | Hau Nguyen Van | 25% |
| Tối ưu hóa frontend, thiết kế CSS cho giao diện người dùng | 31/08/2024 | 24/09/2024 | Hieu Nguyen Van | 25% |
| Tối ưu hóa frontend, thiết kế CSS cho giao diện người dùng |  |  | Quan Luu Minh | 25% |
| Tối ưu hóa frontend, thiết kế CSS cho giao diện người dùng |  |  | Manh Nguyen Duc | 25% |
| Tối ưu hóa frontend, thiết kế CSS cho giao diện người dùng | 31/08/2024 | 24/09/2024 | Long Nguyen Viet | 25% |
| **Testing phase** |  |  |  |  |
| Kiểm thử chức năng cho các tính năng chính | 06/09/2024 | 25/09/2024 | Hieu Nguyen Van | 25% |
| Kiểm thử chức năng cho các tính năng chính | 06/09/2024 | 25/09/2024 | Quan Luu Minh | 25% |
| Kiểm thử chức năng cho các tính năng chính | 06/09/2024 | 25/09/2024 | Manh Nguyen Duc | 25% |
| Kiểm thử chức năng cho các tính năng chính | 06/09/2024 | 25/09/2024 | Long Nguyen Viet | 25% |
| Fix các lỗi phát hiện trong quá trình kiểm thử | 06/09/2024 | 25/09/2024 | Hieu Nguyen Van | 25% |
| Fix các lỗi phát hiện trong quá trình kiểm thử | 06/09/2024 | 25/09/2024 | Quan Luu Minh | 25% |
| Fix các lỗi phát hiện trong quá trình kiểm thử | 06/09/2024 | 25/09/2024 | Manh Nguyen Duc | 25% |
| Fix các lỗi phát hiện trong quá trình kiểm thử | 06/09/2024 | 25/09/2024 | Long Nguyen Viet | 25% |